

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 07 /CIAS
V/v Báo cáo tài chính năm 2017

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 03 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh
Mã chứng khoán: CIA
Trụ sở chính: Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, TP Cam Ranh,
Khánh Hòa
Điện thoại: 0258.6265588
Fax: 0258.6266262
Người thực hiện công bố thông tin: Bà ĐỖ HỮU ÁNH LIÊN
Chức vụ: Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2017.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh, tại địa chỉ www.cias.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo tài chính năm 2017.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

**TUỢNGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Đỗ Hữu Ánh Liên

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY
QUỐC TẾ CAM RANH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 45

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 từ trang 06 đến trang 45 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Minh Hoàng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Vũ Hoài Chang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Đồng Lương Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Khổng Minh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Lý Lâm Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Dương Đức Tính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09/03/2017

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Lê Hằng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Khổng Minh Dũng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 09/03/2017
Ông Phạm Quang Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/03/2017
		Miễn nhiệm ngày 19/08/2017
Ông Nguyễn Việt Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/08/2017
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/08/2017

Ban Giám đốc

Ông Phạm Quang Minh	Quyền Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/10/2017
Ông Trương Minh Hoàng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/10/2017
Ông Lê Minh Lâm	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2017
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2017

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Đỗ Hữu Ánh Liên.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng, ngoài các sự kiện trình bày tại thuyết minh số 34.2 không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Hội đồng Quản trị cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Trương Minh Hoàng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lương Ngô Bảo Trân
Phó Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1828-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 2334-2018-112-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP.HCM
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		168.254.936.933	104.746.780.058
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	102.619.748.257	51.301.735.807
Tiền	111		22.619.748.257	41.301.735.807
Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.074.454.779	3.010.260.245
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.437.070.994	2.301.578.530
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		238.277.100	303.549.714
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	18.500.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	899.106.685	405.132.001
Hàng tồn kho	140	9	42.768.916.141	48.532.808.921
Hàng tồn kho	141		42.768.916.141	48.532.808.921
Tài sản ngắn hạn khác	150		791.817.756	1.901.975.085
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	630.800.434	1.579.313.442
Thuế GTGT được khấu trừ	152		161.017.322	322.661.643
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		187.871.514.165	68.016.415.424
Tài sản cố định	220		20.820.959.094	10.294.853.328
Tài sản cố định hữu hình	221	12	20.756.792.433	10.194.019.995
- Nguyên giá	222		27.167.408.159	15.231.054.339
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.410.615.726)	(5.037.034.344)
Tài sản cố định vô hình	227	13	64.166.661	100.833.333
- Nguyên giá	228		286.400.000	286.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(222.233.339)	(185.566.667)
Tài sản dở dang dài hạn	240	15	1.475.088.062	10.465.229.464
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.475.088.062	10.465.229.464
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	162.927.453.182	46.646.728.425
Đầu tư vào công ty con	251		114.680.000.000	51.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		49.000.000.000	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(752.546.818)	(4.353.271.575)
Tài sản dài hạn khác	260		2.648.013.827	609.604.207
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.648.013.827	609.604.207
TỔNG TÀI SẢN	270		356.126.451.098	172.763.195.482

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		120.681.060.263	74.675.281.766
Nợ ngắn hạn	310		92.760.429.547	74.627.281.766
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	80.750.925.103	65.189.985.119
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	7.081.840
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	2.487.239.344	730.516.531
Phải trả người lao động	314		7.655.814.463	7.051.541.735
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	893.603.782	13.571.885
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	510.141.624	833.574.425
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		462.705.231	801.010.231
Nợ dài hạn	330		27.920.630.716	48.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	18	30.000.000	48.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	339	19	27.890.630.716	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		235.445.390.835	98.087.913.716
Vốn chủ sở hữu	410	20	235.445.390.835	98.087.913.716
Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	60.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		84.272.264.600	7.855.010.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		2.007.406.784	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		416.894.111	416.894.111
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.143.730.451	3.014.339.728
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.605.094.889	26.801.669.877
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		18.710.529.154	10.892.110.580
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		45.894.565.735	15.909.559.297
TỔNG NGUỒN VỐN	440		356.126.451.098	172.763.195.482

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Đình Việt

Kế toán trưởng



Đỗ Hữu Ánh Liên



Chủ tịch HĐQT



Trương Minh Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	328.684.735.073	245.532.968.788
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	717.158.713	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		327.967.576.360	245.532.968.788
Giá vốn hàng bán	11	24	246.910.942.495	182.742.441.790
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.056.633.865	62.790.526.998
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.688.536.565	661.463.966
Chi phí tài chính	22	26	(2.709.849.730)	5.646.250.841
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>100.000.000</i>	-
Chi phí bán hàng	25	27	13.365.809.048	13.015.448.738
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	15.460.254.213	13.528.036.423
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.628.956.899	31.262.254.962
Thu nhập khác	31	28	113.720.901	3.838.338
Chi phí khác	32	29	1.227.564.612	-
Lợi nhuận khác	40		(1.113.843.711)	3.838.338
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.515.113.188	31.266.093.300
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	11.620.547.453	6.356.534.003
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.894.565.735	24.909.559.297

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Đình Việt

Kế toán trưởng



Đỗ Hữu Ánh Liên



Chủ tịch HĐQT



Trương Minh Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	331.490.042.164	250.773.729.929
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(228.603.161.587)	(183.392.446.198)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.546.097.222)	(20.509.125.852)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(10.321.085.330)	(7.650.599.128)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	50.350.000	3.838.338
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.673.429.690)	(1.836.704.973)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	68.396.618.335	37.388.692.116
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.037.923.271)	(19.946.575.664)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18.500.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(129.000.000.000)	(51.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	16.320.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.116.726.731	618.494.905
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(137.101.196.540)	(70.328.080.759)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	98.424.661.384	57.760.010.000
Tiền thu từ đi vay	33	27.886.193.216	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.279.704.850)	(9.713.870.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	120.031.149.750	48.046.139.100
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	51.326.571.545	15.106.750.457
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 5	51.301.735.807	36.108.770.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(8.559.095)	86.214.645
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 5	102.619.748.257	51.301.735.807

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Đình Việt

Kế toán trưởng



Đỗ Hữu Ánh Liên

Chủ tịch HĐQT




Trương Minh Hoàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200810665 ngày 14/01/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 09/08/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 13 là: 80.000.000.000 đồng chia thành 8.000.000 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 29/11/2017, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã cổ phiếu là CIA.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Dịch vụ và Thương mại.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập, quá cảnh; kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế; dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa; dịch vụ phục vụ hành khách, dịch vụ phục vụ hành lý, dịch vụ phục vụ kỹ thuật mặt đất hàng không, dịch vụ làm tài liệu, cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp cho các chuyến bay, dịch vụ phục vụ vệ sinh, cung cấp vật tư, vật phẩm lên máy bay, dịch vụ tìm kiếm và giao trả hành lý thất lạc, dịch vụ khác liên quan phục vụ kỹ thuật mặt đất; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị hàng không; dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không;
- Nhà hàng, các dịch vụ ăn uống lưu động và dịch vụ ăn uống khác;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ nội thành, ngoại thành;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; thu gom rác thải không độc hại.
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar).

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty có chu kỳ quay vòng thường xuyên và liên tục trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ ăn uống và nhà hàng tại Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh. Trên thị trường có một số doanh nghiệp cũng hoạt động trong những lĩnh vực này nên việc cạnh tranh cũng ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các Công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không (AGS)	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không; Dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất.
Công ty TNHH MTV Thương mại Hàng không Cam Ranh (CATC)	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.	Dịch vụ thương mại hàng không.
Công ty TNHH Nhà ga Hàng hóa Cam Ranh (CRCT)	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.	Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa.

Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ Hàng không Hà Nội	Tầng 3, Tòa nhà NTS, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Cường, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.	Dịch vụ du lịch.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, và Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

4.1 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.3 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc thiết bị	03
Phương tiện vận tải truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

4.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí bảo hiểm xe và chi phí sửa chữa căn tin, nhà kho, phòng kế toán... Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.8 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.10 NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại thời điểm đầu mỗi tháng. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.12 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: dịch vụ ăn uống và bán hàng, dịch vụ vận tải, dịch vụ bán hàng hóa miễn thuế, dịch vụ vệ sinh, dịch vụ liên doanh bán hàng, doanh thu cho thuê mặt bằng và doanh thu khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

4.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Công ty CP Yasaka - Sài Gòn - Nha Trang, Công ty CP Dịch vụ Sân bay, các Công ty con và Công ty liên kết, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tiền mặt	3.249.405.886	1.934.426.019
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.370.342.371	39.367.309.788
Các khoản tương đương tiền (*)	80.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	102.619.748.257	51.301.735.807

(*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	2.437.070.994	2.301.578.530
- Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	231.583.886	45.743.000
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam -CTCP	1.949.360	1.122.626.750
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	1.055.951.000	535.126.000
- Vietnam Airlines khu vực miền Trung		
- Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	353.155.700	300.080.000
- IPP GROUP (S) PTE.LTD	268.060.757	295.165
- Các khoản phải thu khách hàng khác	526.370.291	297.707.615
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	353.155.700	300.080.000
- Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	353.155.700	300.080.000

CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH
 Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không (*)	18.500.000.000	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	18.500.000.000	-	-	-

(*) Căn cứ theo Hợp đồng cho vay vốn số 01/HĐVV/AGS-CIAS ngày 28/04/2017 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh và Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không với số tiền là 18.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 06 tháng, lãi suất cho vay 7,00%/năm.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH
 Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	899.106.685	-	405.132.001	-
- Phải thu ngắn hạn khác	582.006.685	-	328.016.500	-
+ <i>Lãi dự thu các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn</i>	62.019.445	-	33.825.000	-
+ <i>Thù lao HĐQT và BKS tạm chi chờ phê duyệt</i>	372.600.000	-	288.000.000	-
+ <i>Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không</i>	111.513.889	-	-	-
+ <i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	35.873.351	-	6.191.500	-
- Tạm ứng	17.100.000	-	75.615.000	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	1.500.501	-
- Ký cược, ký quỹ	300.000.000	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	899.106.685	-	405.132.001	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	70.228.722	-	85.789.682	-
Công cụ, dụng cụ	22.098.660	-	52.004.911	-
Hàng hóa	42.676.588.759	-	48.395.014.328	-
Cộng	42.768.916.141	-	48.532.808.921	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	630.800.434	1.579.313.442
- Chi phí mua bảo hiểm	62.651.535	92.484.230
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	238.825.877	1.486.829.212
- Chi phí bãi đậu xe	329.323.022	-
Dài hạn	2.648.013.827	609.604.207
- Chi phí sửa chữa nhà điều hành, nhà để xe	689.943.182	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	747.526.700	-
- Chi phí sửa chữa, trang trí phòng thương gia	346.465.807	609.604.207
- Chi phí khác	864.078.138	-
Cộng	3.278.814.261	2.188.917.649

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	730.516.531	11.946.603.786	10.321.085.330	2.356.034.987
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	12.735.600	12.735.600	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	695.117.870	563.913.513	131.204.357
Cộng	730.516.531	12.658.457.256	10.901.734.443	2.487.239.344

CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2017	2.448.556.737	526.537.273	12.012.819.419	243.140.910	15.231.054.339
- Mua trong năm	-	1.583.527.273	2.391.480.000	-	3.975.007.273
- Đầu tư XDCB hoàn thành	10.515.505.326	-	-	-	10.515.505.326
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.274.169.091	-	2.274.169.091
- Giảm khác (*)	279.989.688	-	-	-	279.989.688
Tại 31/12/2017	12.684.072.375	2.110.064.546	12.130.130.328	243.140.910	27.167.408.159
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2017	956.889.297	230.634.291	3.643.908.738	205.602.018	5.037.034.344
- Khấu hao trong năm	1.181.292.074	364.981.814	1.512.600.285	15.533.328	3.074.407.501
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.646.383.682	-	1.646.383.682
- Giảm khác (*)	54.442.437	-	-	-	54.442.437
Tại 31/12/2017	2.083.738.934	595.616.105	3.510.125.341	221.135.346	6.410.615.726
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	1.491.667.440	295.902.982	8.368.910.681	37.538.892	10.194.019.995
Tại 31/12/2017	10.600.333.441	1.514.448.441	8.620.004.987	22.005.564	20.756.792.433

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 418.671.618 đồng.

(*) Đây là nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định Nhà hàng Yên 2 Công ty đã thực hiện phá dỡ trong năm 2017.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là các phần mềm kế toán, quản lý bán hàng BRAVO, đồng bộ dữ liệu và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	163.680.000.000	162.927.453.182	(752.546.818)	51.000.000.000	46.646.728.425	(4.353.271.575)
- Đầu tư vào công ty con (*)	114.680.000.000	113.927.453.182	(752.546.818)	51.000.000.000	46.646.728.425	(4.353.271.575)
+ Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không (1)	34.680.000.000	34.132.506.585	(547.493.415)	51.000.000.000	46.646.728.425	(4.353.271.575)
+ Công ty TNHH MTV Thương mại Hàng không Cam Ranh (2)	30.000.000.000	29.794.946.597	(205.053.403)	-	-	-
+ Công ty TNHH Nhà ga Hàng hóa Cam Ranh (3)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (**)	49.000.000.000	49.000.000.000	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ Hàng không Hà Nội	49.000.000.000	49.000.000.000	-	-	-	-

(*) Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

(1) Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/HĐCN-AGS ngày 27/09/2017, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh đã chuyển nhượng một phần góp vốn trong Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không ứng với 24% vốn góp cho Công ty TNHH MTV Thương mại Hàng không Cam Ranh (CATC). Tại 31/12/2017, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không là 51%.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

(2) Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH MTV Thương mại Hàng không Cam Ranh là 100%.

(3) Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Nhà ga Hàng hóa Cam Ranh là 100%.

(**) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ Hàng không Hà Nội tương ứng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết là 49%, thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1112C/NQ-HĐQT/CIAS của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh ngày 15/09/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Căn tin, quầy bar, nhà điều hành xe buýt tại sân bay Quốc tế Cam Ranh	-	9.629.179.454
- Lắp đặt hệ thống Phòng cháy chữa cháy Công trình: Cải tạo căn tin & Văn phòng điều hành xe bus	-	114.643.410
- Vật tư điện nước cho 2 phòng C quốc nội và quốc tế	-	58.706.100
- Tư vấn thiết kế dự án: Nhà ga hàng hóa & khu xử lý hàng hóa bưu kiện (Lập dự án đầu tư xây dựng)	130.000.000	130.000.000
- Thi công lắp đặt hệ thống điện nguồn	-	202.525.600
- Trang trí bảng hiệu Công ty	-	330.174.900
- Thi công đường bê tông và hàng rào dự án nhà ga hàng hóa và khu vực xử lý bưu kiện	1.226.183.062	-
- Chi phí khảo sát địa chất công trình nhà ga hàng hóa và khu vực xử lý bưu kiện	118.905.000	-
Cộng	1.475.088.062	10.465.229.464

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	80.750.925.103	80.750.925.103	65.189.985.119	65.189.985.119
- IPP GROUP (S) PTE.LTD	73.913.041.931	73.913.041.931	60.078.273.560	60.078.273.560
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không VN	1.366.656.158	1.366.656.158	1.688.269.668	1.688.269.668
- Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	1.528.978.240	1.528.978.240	745.624.836	745.624.836
- Phải trả người bán khác	3.942.248.774	3.942.248.774	2.677.817.055	2.677.817.055
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	893.603.782	13.571.885
- Trích trước chi phí điện thoại, internet	14.007.898	13.571.885
- Trích trước chi phí quản lý điều hành	699.595.884	-
- Trích trước chi phí khác	180.000.000	-
Dài hạn	-	-
Cộng	893.603.782	13.571.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	510.141.624	510.141.624	833.574.425	833.574.425
- Kinh phí công đoàn	444.120.892	444.120.892	216.717.782	216.717.782
- Bảo hiểm xã hội	431.920	431.920	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	12.000.000	12.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	65.588.812	65.588.812	604.856.643	604.856.643
+ <i>Cố tức phải trả</i>	12.684.400	12.684.400	366.910.900	366.910.900
+ <i>Phải trả khác</i>	52.904.412	52.904.412	237.945.743	237.945.743
Dài hạn	30.000.000	30.000.000	48.000.000	48.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000	48.000.000	48.000.000
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Cộng	540.141.624	540.141.624	881.574.425	881.574.425

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Ngày 05/12/2017, Công ty đã phát hành 300.000 Trái phiếu chuyển đổi với các thông tin như sau:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh.
- Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo.
- Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu, tổng số tiền thu được là 30 tỷ đồng. Chi phí phát hành trái phiếu là 106.500.000 đồng.
- Thời hạn Trái phiếu: 02 năm (từ ngày 23/10/2017 đến ngày 23/10/2019).
- Kỳ hạn trả lãi: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, thanh toán định kỳ 01 năm một lần vào ngày tròn năm thứ nhất kể từ ngày phát hành Trái phiếu và ngày đáo hạn của Trái phiếu.
- Lãi suất: 4%/năm.
- Giá chuyển đổi và tỷ lệ chuyển đổi: 10.000 đồng/cổ phiếu với tỷ lệ 1:10.
- Thời hạn chuyển đổi: Đợt 1 tối đa 50% sau 12 tháng kể từ ngày phát hành, đợt 2 chuyển đổi phần còn lại tại ngày đáo hạn.
- Công ty áp dụng lãi suất 9% là lãi suất cho vay tín chấp bình quân có kỳ hạn 24 tháng của Ngân hàng Vietcombank và Ngân hàng Vietinbank (là ngân hàng giao dịch thường xuyên với Công ty) để xác định Giá trị cấu phần vốn của Trái phiếu (Quyền chọn cổ phiếu thuộc phần vốn chủ sở hữu) bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại. Theo đó:

+ Giá trị phần nợ gốc trái phiếu chuyển đổi là	: 27.992.593.216 đồng.
+ Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi đã phân bổ	: (4.437.500) đồng.
+ Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi còn phân bổ là	: (101.962.500) đồng.
+ Giá trị Quyền chọn cổ phiếu thuộc phần vốn chủ sở hữu là	: 2.007.406.784 đồng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại 01/01/2016	10.000.000.000	95.000.000	416.894.111	-	2.278.710.697	13.775.868.642	26.566.473.450						
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	24.909.559.297	24.909.559.297						24.909.559.297
- Tăng vốn trong năm	50.000.000.000	7.760.010.000	-	-	-	-	57.760.010.000						57.760.010.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	735.629.031	(735.629.031)	-						-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(735.629.031)	(735.629.031)						(735.629.031)
- Thương ban điều hành	-	-	-	-	-	(412.500.000)	(412.500.000)						(412.500.000)
- Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)						(1.000.000.000)
- Tạm chia cổ tức năm 2016	-	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)						(9.000.000.000)
Tại 31/12/2016	60.000.000.000	7.855.010.000	416.894.111	-	3.014.339.728	26.801.669.877	98.087.913.716						
Tại 01/01/2017	60.000.000.000	7.855.010.000	416.894.111	-	3.014.339.728	26.801.669.877	98.087.913.716						
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	45.894.565.735	45.894.565.735						45.894.565.735
- Tăng vốn trong năm	20.000.000.000	76.417.254.600	-	-	-	-	96.417.254.600						96.417.254.600
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	-	-	2.007.406.784	-	-	2.007.406.784						2.007.406.784
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	1.129.390.723	(1.129.390.723)	-						-
- Thương ban điều hành (*)	-	-	-	-	-	(673.750.000)	(673.750.000)						(673.750.000)
- Chia cổ tức năm 2016 (*)	-	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)						(6.000.000.000)
- Thù lao HĐQT, BKS năm 2016 (*)	-	-	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)						(288.000.000)
Tại 31/12/2017	80.000.000.000	84.272.264.600	416.894.111	2.007.406.784	4.143.730.451	64.605.094.889	235.445.390.835						

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2017 số 100/NQ-DHĐCĐ/CIAS ngày 19/08/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND
Công ty CP Dịch vụ Sân bay	21,53	17.221.290.000	15,70	9.421.290.000
Công ty CP TM và DV Kỹ thuật Nội Bài	3,51	2.805.640.000	37,11	22.265.640.000
Công ty TNHH DV Sân bay Sài Gòn	2,88	2.300.000.000	17,50	10.500.000.000
Công ty CP DV TM Hàng không Tân Sơn Nhất	6,88	5.500.000.000	-	-
Công ty CP XNK Hàng hóa Nội Bài	6,29	5.033.000.000	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	58,91	47.140.070.000	29,69	17.813.070.000
Cộng	100	80.000.000.000	100	60.000.000.000

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	10.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm (*)	20.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(6.000.000.000)	(10.000.000.000)

(*) Công ty tăng vốn căn cứ theo Nghị quyết số 100/NQ-ĐHĐCĐ/CIAS ngày 19/08/2017 từ 60.000.000.000 đồng lên 80.000.000.000 đồng bằng hình thức chào bán 2.000.000 cổ phiếu ra công chúng. Trong đó, bán đấu giá ra công chúng qua Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội là 1.450.000 cổ phiếu, bán riêng lẻ cho nhà đầu tư tổ chức là 550.000 cổ phiếu.

20.4 CỔ TỨC

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm	12.000.000.000	15.000.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (*)	12.000.000.000	15.000.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

(*) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT/CIAS của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh ngày 13/01/2018, Công ty phê duyệt phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 là 15% trên vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.5 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

20.6 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.143.730.451	3.014.339.728

20.7 TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-ĐHĐCĐ/CIAS ngày 19/08/2017 thông qua nội dung thay đổi mục đích sử dụng vốn của đợt tăng vốn lên 80 tỷ đồng theo Tờ trình số 86/TTr-HĐQT/CIAS ngày 09/08/2017 của Hội đồng Quản trị, và căn cứ tình hình thực tế sử dụng vốn, Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng, tính đến ngày 31/12/2017 như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Kế hoạch VND	Đã sử dụng VND
1.	Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp	70.000.000.000	49.000.000.000
2.	Cải tạo nâng cấp hệ thống máy chủ và phần mềm	750.000.000	132.954.000
3.	Bổ sung vốn lưu động	23.671.991.909	23.671.991.909
4.	Cải tạo mở rộng quầy hàng kinh doanh trong sân bay	2.000.000.000	-
5.	Chi phí tư vấn và chào bán cổ phiếu	150.000.000	150.000.000
	Cộng	96.571.991.909	72.954.945.909

Số tiền còn lại của đợt phát hành cổ phiếu, Công ty cam kết sử dụng đúng mục đích huy động vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	2.525.936.216	111.495,75	570.640.224	25.132,80

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	328.684.735.073	245.532.968.788
- Doanh thu dịch vụ ăn uống và bán hàng hóa	44.692.224.405	44.468.925.565
- Doanh thu dịch vụ vận tải	8.026.203.606	6.524.813.612
- Doanh thu hàng miễn thuế	261.864.452.138	182.416.483.490
- Doanh thu dịch vụ vệ sinh	627.366.068	2.308.454.541
- Doanh thu liên doanh bán hàng	11.210.274.584	8.916.383.580
- Doanh thu cho thuê mặt bằng và doanh thu khác	2.264.214.272	897.908.000
Doanh thu với các bên liên quan	3.567.641.547	1.912.128.036
- Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	3.567.641.547	1.912.128.036

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	717.158.713	-
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	717.158.713	-

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ ăn uống và bán hàng hóa	31.642.042.776	29.070.588.273
Giá vốn dịch vụ vận tải	7.341.957.242	5.814.470.923
Giá vốn hàng miễn thuế	197.146.323.847	136.615.151.244
Giá vốn dịch vụ vệ sinh	976.097.620	3.342.839.365
Giá vốn liên doanh bán hàng	9.305.917.602	7.631.528.075
Giá vốn cho thuê mặt bằng và giá vốn khác	498.603.408	267.863.910
Cộng	246.910.942.495	182.742.441.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.213.434.161	515.554.530
Lãi chênh lệch tỷ giá	160.755.691	145.909.436
Lãi do đánh giá lại CLTG cuối năm	314.346.713	-
Cộng	3.688.536.565	661.463.966

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con	-	4.353.271.575
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con	(3.600.724.757)	-
Lỗ do đánh giá CLTG phát sinh trong năm	616.437.527	1.292.979.266
Lãi trái phiếu	100.000.000	-
Chi phí khác	174.437.500	-
Cộng	(2.709.849.730)	5.646.250.841

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	15.460.254.213	13.528.036.423
- Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp	8.886.967.376	8.012.308.595
- Chi phí đồ dùng văn phòng	215.531.052	289.708.651
- Chi phí khấu hao TSCĐ	800.289.257	145.336.165
- Thuế, phí và lệ phí	3.137.510.296	2.110.709.926
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.425.854.486	202.946.942
- Chi phí bằng tiền khác	994.101.746	2.767.026.144
Các khoản chi phí bán hàng	13.365.809.048	13.015.448.738
- Chi phí nhân viên	4.733.241.106	11.970.412.260
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	805.000.748	237.863.075
- Chi phí khấu hao TSCĐ	36.666.672	56.955.557
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.790.900.522	750.217.846
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập về thanh lý, nhượng bán TSCĐ	24.327.937	-
Thu nhập từ xử lý công nợ	7.081.840	-
Thu nhập từ tiền ký quỹ	53.808.500	-
Thu nhập bồi thường	350.000	450.000
Các khoản khác	28.152.624	3.388.338
Cộng	113.720.901	3.838.338

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí phá dỡ công trình nhà hàng Yên 2	225.547.251	-
Truy thu thuế TNDN năm 2013- 2014	326.056.333	-
Phạt chậm nộp thuế	675.961.028	-
Cộng	1.227.564.612	-

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.515.113.188	31.266.093.300
Các khoản điều chỉnh tăng	1.013.460.753	516.576.717
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá tiền, phải thu năm nay	11.443.392	425.836.675
- Lãi do đánh giá lại CLTG tiền gửi, phải thu năm trước	-	90.740.042
- Truy thu thuế TNDN năm 2013 - 2014	326.056.333	-
- Phạt chậm nộp thuế	675.961.028	-
Các khoản điều chỉnh giảm	425.836.675	-
- Lỗi do đánh giá lại CLTG tiền gửi, phải thu năm trước	425.836.675	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	58.102.737.266	31.782.670.017
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.620.547.453	6.356.534.003
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.620.547.453	6.356.534.003

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	221.253.000.960	161.337.395.750
Chi phí nhân công	24.192.350.465	30.542.157.336
Khấu hao tài sản cố định	3.111.074.173	1.714.754.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.567.998.326	12.844.157.781
Chi phí bằng tiền khác	5.612.581.832	2.847.461.810
Cộng	275.737.005.756	209.285.926.951

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.619.748.257	51.301.735.807
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.019.077.679	2.629.595.030
Phải thu về cho vay	18.500.000.000	-
Cộng	124.138.825.936	53.931.330.837
	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	80.816.513.915	65.487.930.862
Chi phí phải trả	893.603.782	13.571.885
Cộng	81.710.117.697	65.501.502.747

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)***Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017				
Phải trả người bán và phải trả khác	80.786.513.915	30.000.000	-	80.816.513.915
Chi phí phải trả	893.603.782	-	-	893.603.782
Cộng	81.680.117.697	30.000.000	-	81.710.117.697
Tại 01/01/2017				
Phải trả người bán và phải trả khác	65.439.930.862	48.000.000	-	65.487.930.862
Chi phí phải trả	13.571.885	-	-	13.571.885
Cộng	65.453.502.747	48.000.000	-	65.501.502.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Hội đồng quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.619.748.257	-	-	102.619.748.257
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.019.077.679	-	-	3.019.077.679
Phải thu về cho vay	18.500.000.000	-	-	18.500.000.000
Cộng	124.138.825.936	-	-	124.138.825.936
Tại 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.301.735.807	-	-	51.301.735.807
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.629.595.030	-	-	2.629.595.030
Cộng	53.931.330.837	-	-	53.931.330.837

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Năm 2017	Dịch vụ ăn uống và bán hàng hóa	Dịch vụ vận tải	Doanh thu hàng miễn thuế	Doanh thu vệ sinh liên doanh	Doanh thu bán hàng	Doanh thu cho thuê mặt bằng và doanh thu khác	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.692.224.405	8.026.203.606	261.864.452.138	627.366.068	11.210.274.584	2.264.214.272	328.684.735.073
Giảm trừ doanh thu	-	-	(717.158.713)	-	-	-	(717.158.713)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.692.224.405	8.026.203.606	261.147.293.425	627.366.068	11.210.274.584	2.264.214.272	327.967.576.360
Giá vốn bộ phận	(31.642.042.776)	(7.341.957.242)	(197.146.323.847)	(976.097.620)	(9.305.917.602)	(498.603.408)	(246.910.942.495)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13.050.181.629	684.246.364	64.000.969.578	(348.731.552)	1.904.356.982	1.765.610.864	81.056.633.865
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	(28.826.063.261)
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	-	-	-	-	-	-	52.230.570.604
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	3.688.536.565
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	2.709.849.730
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	113.720.901
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(1.227.564.612)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-	-	(11.620.547.453)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-	-	-	-	-	45.894.565.735
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn	-	-	-	-	-	-	9.037.923.271
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước	-	-	-	-	-	-	4.417.027.924
Tổng Tài sản	-	-	-	-	-	-	356.126.451.098
Tổng Nợ phải trả	-	-	-	-	-	-	120.681.060.263

CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH
 Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty (tiếp):

Năm 2016	Dịch vụ ăn uống và bán hàng hóa	Dịch vụ vận tải	Doanh thu hàng Miễn thuế	Doanh thu vệ sinh	Doanh thu liên doanh bán hàng	Doanh thu cho thuê mặt bằng và doanh thu khác	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.468.925.565	6.524.813.612	182.416.483.490	2.308.454.541	8.916.383.580	897.908.000	245.532.968.788
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.468.925.565	6.524.813.612	182.416.483.490	2.308.454.541	8.916.383.580	897.908.000	245.532.968.788
Giá vốn bộ phận	(29.070.588.273)	(5.814.470.923)	(136.615.151.244)	(3.342.839.365)	(7.631.528.075)	(267.863.910)	(182.742.441.790)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	15.398.337.292	710.342.689	45.801.332.246	(1.034.384.824)	1.284.855.505	630.044.090	62.790.526.998
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	(26.543.485.161)
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	-	-	-	-	-	-	36.247.041.837
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	661.463.966
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	(5.646.250.841)
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	3.838.338
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-	-	(6.356.534.003)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-	-	-	-	-	24.909.559.297
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-	-	19.946.575.664
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước	-	-	-	-	-	-	1.899.124.677
Tổng Tài sản	-	-	-	-	-	-	172.763.195.482
Tổng Nợ phải trả	-	-	-	-	-	-	74.675.281.766

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

34.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

34.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Quyết định số 07/QĐ-HĐQT/CIAS ngày 13/01/2018 của Hội đồng Quản trị, Công ty thành lập chi nhánh tại Chu Lai, địa chỉ: Sân bay Chu Lai, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, ngành nghề kinh doanh: hoạt động theo ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Đồng thời, căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT/CIAS ngày 13/01/2018 của Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 với tỷ lệ tạm ứng cổ tức 15% trên vốn điều lệ của Công ty bằng tiền mặt.

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

34.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

34.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm 2017 và/hoặc có số dư tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không		
- Mua hàng	3.567.641.547	1.912.128.036
- Lãi cho vay	624.626.941	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không		
- Phải thu khách hàng	353.155.700	300.080.000
- Phải thu về cho vay	18.500.000.000	-
- Phải thu khác	111.513.889	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc	1.879.513.700	1.342.856.200
Thù lao của HĐQT, BKS	673.750.000	288.000.000
Tổng thu nhập Ban Giám đốc	1.205.763.700	1.054.856.200

34.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Đình Việt

Kế toán trưởng



Đỗ Hữu Ánh Liên

Chủ tịch HĐQT




Trương Minh Hoàng